

ĐẠO TIN LÀNH TẠI MIỀN BẮC VIỆT NAM - ĐẶC ĐIỂM QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tóm tắt: Đạo Tin Lành có lịch sử du nhập, tồn tại và phát triển tại Việt Nam hơn 100 năm nay. Ngay từ buổi đầu, Hà Nội, Hải Phòng đã được các giáo sĩ Tin Lành chọn làm địa bàn quan trọng để truyền giáo ra khu vực Bắc Bộ. Trải qua thời gian, do nhiều nguyên nhân, cho đến những năm 90 của thế kỷ 20, cộng đồng Tin Lành tại miền Bắc không mấy phát triển. Gần đây, Tin Lành đã có sự phát triển nhanh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc và tại vùng đồng bằng, đô thị. Tìm hiểu về lịch sử du nhập, tồn tại và phát triển của tôn giáo này tại miền Bắc Việt Nam, vốn là cái nôi văn hóa của người Việt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số phía Bắc với sự đa dạng tín ngưỡng tôn giáo phong phú trong sự so sánh với các vùng miền khác cùng các vấn đề đặt ra là chủ đề khoa học rất đáng quan tâm. Bài viết trình bày lịch sử quá trình truyền giáo của đạo Tin Lành tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam từ khởi đầu cho đến hiện tại. Trong đó, tập trung vào giai đoạn từ 1990 đến nay với sự phân tích về kết quả truyền giáo, sự hiện diện của các tổ chức, hệ phái, nhóm Tin Lành cùng những vấn đề liên quan.

Từ khóa: Đặc điểm; đạo Tin Lành; miền Bắc Việt Nam; truyền giáo; hệ phái.

Mở đầu

Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, do hoàn cảnh thuận lợi các đoàn truyền giáo Tin Lành đẩy mạnh việc truyền giáo ra toàn cầu. Hàng

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 25/11/2020; Ngày biên tập: 30/11/2020; Duyệt đăng: 07/12/2020.

loạt các Hội truyền giáo được thành lập, như: Hội truyền giáo Báp Tít Luân Đôn (1792), Hiệp Hội truyền Giáo Mỹ (1810), Hội Truyền giáo Berlin (1824), Hội truyền giáo Trung Hoa nội địa (1865), Hội truyền giáo nội địa Châu Phi (1895).

Trong bối cảnh như vậy thì sự kiện 3 giáo sĩ của Hội Liên hiệp Cơ đốc và Truyền giáo (viết tắt là C.M.A)¹ đến Turane (Đà Nẵng) vào năm 1911, lập trụ sở truyền giáo đầu tiên tại Đông Dương được coi là hệ quả tất yếu của quá trình truyền giáo Tin Lành lúc bấy giờ. Hội truyền giáo C.M.A là tổ chức truyền giáo có quy mô nhỏ, đa giáo phái, có trụ sở tại New York, Mỹ, khi vào Đông Dương, do chính sách của chính quyền Pháp ngăn cản, hạn chế nên khởi đầu chỉ hoạt động giới hạn tại 3 thành phố là Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội và Xứ Nam Kỳ (hoạt động theo quy chế thuộc địa).

Như vậy, ngay từ buổi đầu Tin Lành đến Việt Nam truyền giáo cho người Việt thì các giáo sĩ đã chọn Hà Nội và Hải Phòng thuộc Bắc Kỳ làm trung tâm của địa bàn truyền giáo.

1. Đạo Tin Lành tại miền Bắc Việt Nam thời kỳ từ khởi đầu truyền giáo cho đến trước năm 1990

1.1. Giai đoạn trước năm 1954

Thời kỳ đầu xâm nhập, các giáo sĩ chủ yếu học tiếng, dịch Kinh Thánh, mở các cơ sở truyền giảng đầu tiên. Từ năm 1921 đến 1927, họ lập trụ sở truyền giáo tại Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Rạch Giá, Biên Hòa, Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng, Vinh, Thanh Hóa, Hà Nội, Hải Phòng, đến năm 1927 lập được 87 địa điểm.

Năm 1921: Lập Trường Kinh Thánh Đà Nẵng đào tạo đội ngũ mục sư, truyền giáo bản xứ. Năm 1927: Đại Hội Đồng hợp tại Đà Nẵng đã lập ra tổ chức giáo hội bản xứ: Hội Tin Lành Đông Pháp - tiền thân của Hội thánh Tin Lành Việt Nam sau này. Số tín đồ và chi hội năm 1927 là 4.236 người và 74 chi hội. Đến thời điểm 1934, đạo Tin Lành đã phát triển được 38 chi hội ở Bắc Kỳ, 34 tại Trung Kỳ và 47 tại Nam Kỳ.

Tuy nhiên, thực chất về tỷ lệ số chi hội chính thức và số tín đồ chính thức (Báp-tem) có sự chênh lệch khá lớn ở ba kỳ. Tại Bắc Bộ, (số liệu năm 1934) chỉ có 164 người chịu Báp-tem trên tổng số 1.000 người có cảm tình. Trong khi đó số liệu tại Trung Kỳ là 346/576 người và Nam Kỳ là 722/1069². Các giáo sĩ C.M.A cho rằng “do thái độ cứng rắn và ngạo mạn của người Bắc Kỳ” nhưng thực ra cốt lõi của vấn đề là sự va chạm, xung đột văn hoá trong quá trình truyền giáo. Việc chủ trương ngăn cấm thờ cúng tổ tiên, tín đạo cá nhân, cực đoan trong việc dứt bỏ tập tục cũ đã gặp sự chống đối ở các vùng, cộng đồng dân cư có truyền thống làng xã, họ tộc bền vững (ở Bắc Bộ) nên không thành công. Trong khi ở Trung Bộ và Nam Bộ tính chất cố kết này không chặt chẽ nên đạo Tin Lành dễ xâm nhập hơn. Một yếu tố nữa cũng ảnh hưởng đến kết quả truyền giáo, đó là yếu tố đời sống kinh tế của tín đồ cùng chi hội của nó. Các giáo sĩ C.M.A thi hành đường lối: Chi trợ giúp lúc đầu, sau khuyến khích việc tự lập (về tài chính). Kết quả cho thấy các chi hội tại Nam Bộ, Trung Bộ nói chung có nền tài chính vững mạnh hơn tại Bắc Bộ nên ổn định hơn.

Bảng 1. Kết quả truyền giáo tại địa hạt Bắc hạt đến hết năm 1942³

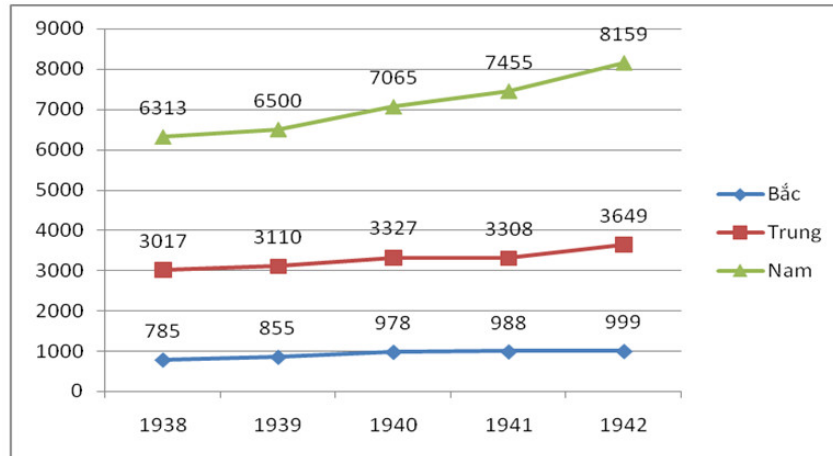
Năm	Tín đồ chính thức	Số báp tem trong năm	Số cầu nguyện tin Chúa	Chi hội Chính (Chánh)	Chi hội Nhánh
1936	663			32 nhà giảng, 24 ông truyền đạo	
1938	785	114	1595	48 nhà giảng, 07 giáo sĩ mẫu hội, 32 truyền đạo bản xứ.	
1939	855	99	1248	32 mục sư và truyền đạo bản xứ, 50 nhà giảng.	
1940	978		1285	43 nhà giảng, 07 giáo sĩ mẫu hội, 24 ông truyền đạo bản xứ, 03 chi hội tự trị tự lập.	
1941	988	135	1425	49 nhà giảng, 05 giáo sĩ, 05	

				mục sư, 28 truyền đạo bản xứ (06 ông tạm nghi)	
1942	999	158	68	27	30

Để so sánh kết quả truyền đạo Tin Lành thời kỳ đầu truyền giáo tại 3 vùng, số liệu chỉ ra như sau.

Biểu đồ 1: So sánh sự tăng trưởng tín đồ tại 03 miền truyền giáo cho đến hết năm 1942⁴

(Nguồn số liệu thống kê từ Thánh Kinh báo những năm 1938 - 1943)



Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, tại Bắc Bộ, việc truyền giáo gần như bị ngưng trệ, nhiều chi hội Tin Lành tan rã trong khi tại Trung Bộ và Nam Bộ, hoạt động của đạo Tin Lành ít bị ảnh hưởng hơn. Năm 1954, sau Hiệp định Giơnevơ, tại phía Nam (vĩ tuyến 17 trở vào) đạo Tin Lành có được một cộng đồng tín đồ chính thức hơn 13.000 người, trong đó người dân tộc thiểu số khoảng 2.000 người. Sự kiện di cư năm 1954, theo số liệu chính xác, đã có 1.054 tín đồ Tin Lành - chiếm 50% tổng số tín đồ tại miền Bắc di cư vào Nam.

Như vậy, kết thúc giai đoạn truyền giáo buổi đầu (1911 - 1954), đạo Tin Lành đã được một đội ngũ tín đồ, chức sắc bản xứ khá ổn định chủ yếu ở miền Trung và miền Nam. Còn tại miền Bắc Việt Nam, cộng đồng Tin Lành nhỏ bé, với khoảng 1.000 tín đồ.

1.2. Giai đoạn từ 1955 đến 1990

Năm 1955, sau ngày hòa bình lập lại, thể theo nguyện vọng của đông đảo chức sắc, tín đồ tin lành, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cho phép thành lập cơ quan giáo hội mới để phục vụ nhu cầu về điều hành, hoạt động tôn giáo của cộng đồng này. Tại Hà Nội từ 10 đến 12/4/1955 đã diễn ra Đại Hội Đồng đầu tiên của cộng đồng Tin Lành miền Bắc. Đại Hội Đồng đã biểu quyết thông qua quyết định thành lập Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc (HTTLVN(MB)). Năm 1963. Điều lệ chính thức của tổ chức giáo hội này được nhà nước phê chuẩn, đánh dấu bước tiến mới của một giáo hội Tin Lành hoàn toàn tự trị, tự lập tại miền Bắc.

HTTLVN(MB) đã khẳng định mục đích của mình như sau:

“Mục đích của Hội thánh Tin Lành là một hội hợp những người Việt Nam có lòng kính thờ Đức Chúa Trời và có lòng tin cậy Tin Lành Cứu - rỗi của Đức Chúa Jesus Christ để lập thành một Hội thánh duy nhất”. Hội thánh đó đi theo một tôn chỉ bao gồm 2 điểm:

- 1) Hết lòng kính thờ Đức Chúa Trời Ba Ngôi.
- 2) Yêu Tổ quốc, bảo vệ hòa bình, thực hiện công bằng bác ái, tự do, bình đẳng và lao động.

Hội thánh cũng tuyên bố rõ thái độ của mình đối với xã hội như sau: “Hội thánh có nhiệm vụ giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ của công dân, ý thức tôn trọng chính quyền nhân dân và pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà. Hội thánh đoàn kết cùng toàn dân xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”⁵.

Vì số lượng các chi hội tin lành tại miền Bắc khá khiêm tốn nên cơ cấu tổ chức của HTTLVN (MB) chỉ bao gồm 2 cấp: Tổng hội và Chi hội.

Do những khó khăn chung của thời kỳ chiến tranh nên tình hình cộng đồng tin lành tại miền Bắc nói chung và Hà Nội nói riêng gặp nhiều khó khăn. Cơ sở vật chất của các chi hội Tin Lành một phần

bị phá hủy và hư hại trong kháng chiến chống Pháp, sau đó một chi hội nhánh phải đóng cửa do tín đồ không còn và không đủ kinh phí duy trì. Đời sống của các tín đồ gặp nhiều khó khăn. Tại Hà Nội có 4 chi hội: Ngõ Trạm, Bạch Mai, Gia Lâm, Sở Thượng nhưng đến thời gian này chỉ còn duy trì được chi hội chính Ngõ Trạm và chi hội nhánh Sở Thượng. Tình hình cũng diễn ra tương tự tại khắp các hội thánh ở các tỉnh thành khác khiến cho số lượng chi hội giảm từ 20 xuống còn 14 chi hội.

Tuy nhiên, sinh hoạt của các chi hội Tin Lành vẫn duy trì đều đặn tại các nhà thờ Tin Lành vào sáng Chủ nhật, có nơi thêm tối thứ Tư. Các tín đồ vẫn tập trung cầu nguyện, học Kinh Thánh, các mục sư, giảng sư vẫn định kỳ truyền giảng với sự trợ giúp của các ban chấp sự các chi hội.

Như vậy, cho đến thời điểm 1975, cộng đồng Tin Lành tại miền Bắc chỉ có 01 tổ chức giáo hội là HTTLVN(MB) với 14 chi hội trực thuộc, 14 mục sư, giảng sư, 11 nhà thờ (02 chi hội không có nhà thờ và 01 bị đổ nát do chiến tranh). Số tín đồ cho dù tăng trưởng tự nhiên nhưng cũng chỉ được khoảng 2.000 người. Ngoài HTTLVN(MB), không có một tổ chức Tin Lành nào khác tồn tại.

Trong khi đó, tại miền Nam, tổ chức cùng một mẹ (C.M.A) với HTTLVN(MB) là Hội thánh Tin Lành Việt Nam (HTTLVN) do gặp bối cảnh chính trị - xã hội thuận lợi, được sự trợ giúp của Tin Lành Mỹ, Tin Lành thế giới nên đã phát triển vượt bậc, trở thành một tổ chức giáo hội lớn mạnh với số chức sắc lên tới hơn 500 mục sư, truyền đạo, khoảng 160.000 tín đồ, 386 nhà thờ và 41 cơ sở văn hóa xã hội, từ thiện tại nhiều tỉnh thành⁶.

Thời kỳ 1954 đến 1975, tại miền Nam, thành phần giáo hội, giáo phái của đạo Tin Lành có nhiều biến động. Ngoài HTTLVN và Hội Truyền giáo C.M.A, đã xuất hiện thêm một số giáo phái, tổ chức Tin Lành khác, như: Giáo phái Báp-tít, Ngũ Tuần, Nhân Chứng Giê-hô-va, Mennonite, Hội thánh đấng Chris, Hội Cơ Đốc Truyền giáo tách ra từ HTTLVN, v.v...

Từ cuối những năm 1980 đầu 1990, tình hình kinh tế, xã hội có nhiều biến chuyển. Trong bối cảnh chung của sự phục hồi đời sống tín, tôn giáo, đạo Tin Lành tại miền Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng bắt đầu hồi phục và đẩy mạnh hoạt động.

Đối với cộng đồng Tin Lành tại miền Bắc, thập niên sau ngày 30/4/1975 vẫn là quãng thời gian khó khăn, dù bắt đầu nhen nhóm quá trình phục hồi lại. Tình hình kinh tế, xã hội thời hậu chiến khiến đời sống của chức sắc, tín đồ nghèo nàn, các chi hội chỉ lo giữ đạo, không mấy phát triển.

Tuy nhiên, cũng trong thời gian này, được sự tạo điều kiện của chính quyền, các chức sắc cao cấp của HTTLVN(MB) đã dần nối lại các mối quan hệ quốc tế cho giáo hội, bước đầu nhận được sự trợ giúp từ cộng đồng Tin Lành bên ngoài. Những mối quan hệ với Hội đồng Nhà thờ Thế giới (WCC), Tổ chức Bánh mì cho thế giới, Hội đồng nhà thờ quốc gia Mỹ, Giáo hội Tin Lành Cộng hòa Liên bang Đức... đã mang tới những sự trợ giúp quý báu cho cộng cuộc phục hồi cơ sở vật chất và sinh hoạt tôn giáo của giáo hội. Về điều này, giới chức Tin Lành miền Bắc đã ghi lại như sau: “Với trọng trách của mình, Mục sư Hoàng Kim Phúc, Mục sư Vũ Đan Chính, đặc biệt là Mục sư Bùi Hoành Thử đã tận dụng rất nhiều mối quan hệ để kêu gọi viện trợ cho các Hội thánh miền Bắc, Trường Kinh Thánh khóa II, đồng thời đóng góp cho việc xây dựng, sửa chữa các nhà thờ tại Nam Định, Hải Phòng, Hà Nội”⁷.

Quan hệ đối ngoại và sự viện trợ về vật chất của nhiều tổ chức Tin Lành nước ngoài cho HTTLVN(MB) vào thời điểm đó là cứu cánh cho giáo hội trong đó nguồn trợ giúp mạnh nhất đến từ Hội đồng Nhà thờ thế giới (WCC) và liên kết các giáo hội Tin Lành Đức. “Riêng WCC đã viện trợ cho Hội thánh 695.509 đô la Mỹ trong thời gian từ ngày 17/02/1981 đến 09/9/1988. Hội thánh Tin Lành Tây Đức viện trợ trực tiếp cho Hội thánh một số nguyên vật liệu xây dựng trị giá trên 200 ngàn đô la Mỹ. Các giáo hội Tin lành Cộng hòa Liên bang Đức viện trợ cho Hội thánh 20 ngàn quyền Kinh thánh và 20 quyền Thánh ca chưa kể nhiều hàng hóa, vật tư khác”⁸.

Nguồn Kinh thánh và Thánh ca (in từ bản dịch truyền thống của Thánh Kinh Hội trước đây) đến với cộng đồng Tin Lành miền Bắc vào thời điểm rất quý giá trong bối cảnh nhiều năm không có nguồn bổ sung. Từ nguồn này, HTTLVN(MB) còn chia sẻ cho các chi hội Tin Lành tại miền Nam.

2. Đạo Tin Lành tại miền Bắc Việt Nam thời kỳ từ 1990 trở lại đây

2.1. Bối cảnh tình hình cộng đồng Tin Lành trên cả nước và những tác động, ảnh hưởng tới tình hình Tin Lành miền Bắc

Từ cuối những năm 1980 đầu thập niên 1990, tình hình kinh tế, xã hội có nhiều biến chuyển. Đạo Tin Lành tại miền Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng bắt đầu hồi phục và đẩy mạnh hoạt động. Là tổ chức giáo hội có thực lực nhất, Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Nam (HTTLVN(MN)) có vai trò chủ đạo đối với cộng đồng Tin Lành tại miền Nam. Theo nhận định từ giới chức Tin Lành thì: “Từ năm 1985, Hội thánh đã thích nghi với giai đoạn mới và tiếp tục phát triển. Trong 25 năm qua, mặc dù có nhiều trở ngại khách quan, HTTLVN(MN) vẫn phát triển linh động theo từng địa phương. Hội thánh đã hướng về nguyên tắc phát triển của Hội đầu tiên thời các Sứ đồ và nắm lấy mọi cơ hội để rao truyền Phúc Âm”⁹.

Phong trào truyền đạo, theo đạo Tin Lành tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên bùng phát thành cao trào từ khoảng thời gian 1988, 1989 cho đến cuối những năm 1990. Hoạt động truyền đạo trên diện rộng, trong khoảng thời gian hơn 10 năm, gặp những điều kiện thuận lợi do đồng bào các dân tộc đang trong tình trạng khó khăn về đời sống, khủng hoảng văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng cổ truyền... nên đạo Tin Lành đã có được một số lượng tín đồ đáng kể. Sau tổ chức giáo hội lớn mạnh nhất là HTTLVN(MN), tại miền Nam đã có sự phục hồi và xuất hiện các giáo phái (hệ phái), nhóm Tin Lành mới rất đáng chú ý, như:

Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm – Adventism. Đây là giáo phái du nhập vào Việt Nam từ rất sớm (từ năm 1929, chỉ sau Hội C.M.A.).

Đến đầu thập niên 1990, Cơ Đốc Phục Lâm phục hồi hoạt động tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các tỉnh phía Nam.

Hội truyền giáo Cơ Đốc (hay thường gọi là Cơ Đốc truyền giáo) do giáo sĩ G.H. Smith, vốn là thành viên của Hội C.M.A lập ra năm 1956. Từ đầu thập niên 1990, giáo phái này phục hồi và đẩy mạnh hoạt động truyền giáo.

Tổng hội Báp-tít Việt Nam Ấn điển – Nam phương: Vào miền Nam từ năm 1959 bởi tổ chức Báp-tít miền Nam của Mỹ (Southern Baptist Convention). Giáo phái Báp-tít theo thể chế tổ chức giáo hội hoàn toàn tự do, quyền độc lập, tự chủ tuyệt đối được trao cho các chi hội (công lý chánh thể). Thể chế giáo hội quốc gia, vùng miền chỉ mang tính liên hiệp lỏng lẻo.

Giáo phái Nhân chứng Giê Hô Va (Jehovah's Witnesses): Vào Việt Nam từ những năm 1969 - 1970, Nhân chứng Giê Hô Va là một giáo phái khá đặc biệt với giáo lý có nhiều nét khác lạ so với các giáo phái Tin Lành thuần túy, có nguồn gốc từ nước Mỹ. Từ 1990, các mối liên hệ, trợ giúp từ Tổng Hội toàn cầu được nối lại, giáo phái này tăng cường hoạt động củng cố tổ chức, phát triển đạo.

Các nhóm phái Tin Lành mới xuất hiện và hoạt động theo hình thức “Hội thánh tư gia”:

Bắt đầu từ những năm 1988 - 1989, từ trong nội bộ cộng đồng Tin Lành tại miền Nam xuất hiện nhiều nhóm, phái mới, giới chức Tin Lành gọi đây là phong trào Hội thánh tư gia. Có một số lý giải về nguyên nhân dẫn tới hiện tượng này như sau:

Thời điểm từ 1988 - 1989, bắt đầu có sự mở rộng giao lưu quốc tế, dân chủ hóa đời sống xã hội. Các tổ chức, giáo phái Tin Lành quốc tế bằng nhiều con đường đã liên hệ, tài trợ cho các cá nhân, nhóm Tin Lành bung ra hoạt động.

HTTLVN(MN) tổ chức giáo hội lớn duy nhất lúc này đang trong tình trạng ách tắc về tổ chức, nhân sự. Với nội quy giáo luật, kỷ luật chặt chẽ nhưng đang ở trong tình thế không có tư cách pháp nhân, thiếu sự quản lý có hiệu lực. Một bộ phận chức sắc bất mãn

vì chức vụ, quyền lợi trong khi các chi hội lớn đã quá tải, các chi hội mới không được mở, việc phong chức, điều chuyển, bổ sung nhân sự bị ách tắc, v.v... Đó là một trong những nguyên do dẫn đến sự ly khai, chia rẽ, xuất hiện nhiều nhóm phái Tin Lành từ trong cộng đồng chức sắc, tín đồ HTTLVN(MN).

Phong trào Hội thánh tư gia phát triển nhanh và với sự tự do, năng động, họ là nhân tố truyền giáo quan trọng trong bối cảnh chưa hợp pháp. Một vài trong số họ đã trở thành hệ phái có thực lực như Hội thánh Liên Hữu Cơ Đốc của Mục sư Đinh Thiên Tứ. Do trào lưu của Tin Lành thế giới đang lan tràn nên đa phần trong số họ bị ảnh hưởng bởi xu hướng Ngũ Tuần tin và thực hành ân tứ của Đức Thánh Linh theo các mức độ khác nhau.

Tình hình cộng đồng Tin Lành tại miền Nam có ảnh hưởng và tác động trực tiếp tới tình hình đạo Tin Lành tại miền Bắc.

2.2. Những chuyển động của cộng đồng Tin Lành miền Bắc

Công cuộc đổi mới, mở cửa giao lưu với bên ngoài, dân chủ hóa xã hội đã mang đến những điều kiện thuận lợi cho sự phục hồi các sinh hoạt tôn giáo, trong đó có đạo Tin Lành. Quan điểm và chính sách tôn giáo, chính sách xã hội đã có nhiều thay đổi đánh dấu bằng sự ra đời Nghị quyết 24/NQ-TW ngày 16/10/1990 với sự khẳng định: “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Nhờ chính sách cởi mở của nhà nước, HTTLVN(MB) đã đẩy mạnh các mối quan hệ đồng đạo quốc tế, bắt đầu nhận được sự trợ giúp về vật chất và tinh thần đáng kể.

Từ cuối những năm 1980 đầu những năm 1990, tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nổi lên phong trào truyền đạo, theo đạo Tin Lành, cụ thể là từ đồng bào Mông. Đáng chú ý là dù không có giáo sĩ, không có kinh sách, chỉ qua phương tiện đài phát thanh Tin Lành Nguồn sống ở Manila-Philippines (Far East Broadcasting Company) - F.E.B.C. với nội

dung phát là các bài Thánh ca, lời làm chứng, lớp học Thánh kinh hàm thụ (qua gửi thư và trả lời) để truyền đạo nhưng đã gây ra được những hiệu ứng đáng kể nơi đồng bào Mông. Quá trình truyền đạo, theo đạo đối với người Mông được chia làm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1: (từ cuối 1987 đến 1990) bỏ tín ngưỡng đa thần, bỏ bàn thờ tổ tiên, đi theo “Vàng Chứ”; Giai đoạn 2: (1990 - 1992) tìm đến với đạo Công giáo; Giai đoạn 3: Từ 1993 đến nay, theo đạo Tin Lành. Các địa phương nơi đồng bào theo đạo đã từng áp dụng những biện pháp hành chính, vận động, tuy nhiên việc theo đạo vẫn lan rộng. Theo số liệu của các cơ quan hữu quan, thì năm 1998, đã có 60 ngàn người Mông theo đạo Tin lành ở 8 tỉnh miền núi phía Bắc, vào năm 2002 con số này đã tăng lên tới 105 ngàn tại 12 tỉnh.

Thực trạng đời sống khó khăn, tín ngưỡng tôn giáo cổ truyền đang suy thoái, đè nặng, là bối cảnh buộc người Mông hướng tới sự thay đổi, tìm kiếm cái mới. Việc truyền đạo, theo đạo lan rộng tại vùng đồng bào Mông ở các tỉnh miền núi phía Bắc và theo chân các nhóm di dân vào đến các tỉnh Tây Nguyên.

Việc hình thành một cộng đồng tín đồ Tin Lành mới theo đạo còn hoang sơ về niềm tin và thực hành, chưa thuộc một tổ chức giáo hội nào tại các tỉnh phía Bắc đã khiến cho cộng đồng này đi tìm sự giúp đỡ mọi mặt và chỗ dựa về mặt tổ chức pháp lý. Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) lúc này là tổ chức duy nhất có tư cách pháp nhân tại miền Bắc và như là một sự tất yếu, đã được những người Mông theo đạo lựa chọn.

HTTLVN(MB) cho dù thực lực nhỏ bé với đội ngũ chức sắc và tín đồ khiêm tốn ban đầu đã bị động trước sự việc này, nhưng sau đó đã quyết định giành lấy cơ hội có một không hai này để phát triển lực lượng, phát triển tổ chức của mình.

Những sự kiện tiếp theo ghi dấu sự biến động, chuyển động của thành phần tổ chức giáo hội, giáo phái (hệ phái) tại cộng đồng Tin Lành miền Bắc. Tác động của chính sách đổi mới, mở cửa hội nhập đã tạo cơ hội cho người nước ngoài vào Việt Nam làm ăn, sinh

sống nhiều hơn, trong đó có tín đồ Tin Lành người Hàn Quốc. Đến năm 1994, xuất hiện Hội thánh Tin Lành Hàn Quốc tại Hà Nội. Do những quy định của luật pháp liên quan đến cơ sở sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài còn chưa hoàn thiện, nên HTTLVN(MB), cụ thể là nhà thờ số 02 Ngõ Trạm của chi hội Hà Nội trở thành địa chỉ hợp pháp duy nhất để tín đồ người Hàn Quốc lui tới sinh hoạt tôn giáo. Đây là những cộng đồng Tin Lành quốc tế đầu tiên xuất hiện, và sự hiện diện của họ, cũng như kinh phí thuê nhà thờ... đã giúp cho HTTLVN(MB), chi hội Hà Nội một khoản kinh phí đáng quý cùng nhiều sự hỗ trợ vật chất và tinh thần khác.

Sự kiện tiếp theo liên quan đến sự biến động thành phần giáo hội, giáo phái tại miền Bắc là sự xuất hiện lần đầu tiên những nhóm Ngũ Tuần từ phía Nam ra Bắc hoạt động. Khởi đầu từ những năm 1990, 1991, những nhóm Ngũ Tuần này đã khuấy động sinh hoạt tôn giáo tại các chi hội của HTTLVN(MB) bằng việc kiêng ăn, cầu nguyện, “nói tiếng lạ”, tiên tri, “báp tem lại bằng Đức Thánh Linh”, gây chia rẽ tại một số chi hội, đặc biệt tại các chi hội ở Hải Phòng, Khả Cảnh, Hoàn Nhị, Duy Tiên, Nam Định.

Thật sự, chỉ đến đến lúc này, các tín đồ Tin lành miền Bắc mới biết đến sự đa dạng hệ phái, thần học trong “gia đình Cơ Đốc giáo” mà họ sắp được đón nhận do đã tách rời, biệt lập với Tin Lành thế giới khá lâu. Cho đến thời điểm đó giáo phái Ngũ Tuần và phong trào Ngũ Tuần vốn đang là trào lưu và phổ biến trong giới Tin Lành, ngay cả Hội Truyền giáo C.M.A cũng không quy kết Ngũ Tuần là tà giáo, chỉ có điều họ không tìm cầu và thực hành liên tục các “ân tứ” như Ngũ Tuần mà thôi¹⁰.

Đến thời điểm 2005, cho dù đối với HTTLVN(MB), tình hình đã có những biến chuyển, đổi mới như: Nối lại và gia tăng các mối quan hệ đồng đạo quốc tế, liên với đó là các sự trợ giúp quý báu và cần thiết để tái thiết cơ sở vật chất cho Hội thánh. Số lượng tín đồ tăng vọt do cộng đồng tín đồ mới người Mông gia nhập, một số chi hội được bổ sung tín đồ mới từ số việt kiều hồi hương, tị nạn trở về, tuy rằng số chi hội tồn tại vẫn chỉ là con số 14 ở 10 tỉnh thành. Tuy

nhiên, sự xuất hiện của giáo phái Ngũ Tuần “nói tiếng lạ” với cách thức sinh hoạt tôn giáo sôi nổi, linh hoạt, lời cuốn đã báo hiệu một sự cạnh tranh địa bàn truyền giáo. Chẳng bao lâu, không chỉ các nhóm Ngũ Tuần mà còn các nhóm “Tin Lành Tư gia”, các hệ phái, nhóm mới nổi lên ở phía Nam đều phái nhân sự ra địa bàn miền Bắc để hoạt động truyền giáo, cụ thể như các hệ phái Liên hữu Cơ đốc, Liên đoàn Truyền giáo Phúc âm, Tin Lành Trưởng lão, Phúc Âm Ngũ tuần, Phúc Âm toàn vẹn, v.v...

Bức tranh về thành phần giáo hội, giáo phái Tin Lành tại miền Bắc đã bắt đầu thay đổi theo hướng đa dạng và phức tạp hơn.

2.3. Giai đoạn từ 2005 đến nay

2.3.1. Chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước Việt Nam về đạo Tin Lành

Trước diễn biến phức tạp của tình hình liên quan đến sự bùng phát của việc truyền đạo, theo đạo Tin Lành, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để giải quyết vấn đề đạo Tin Lành từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương chính sách mới để giải quyết vấn đề.

Chỉ thị 01/2005/CT-TTg ngày 04/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành

Thực hiện Thông báo 160-TB/TW ngày 15/11/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo, xét đề nghị của các cơ quan chức năng, ngày 04/02/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg về một số công tác đối với đạo Tin lành. Đây là văn bản có ý nghĩa bước ngoặt, dẫn tới những thay đổi cụ thể để giải quyết ổn định vấn đề Tin Lành.

Với nội dung được công khai hóa, Chỉ thị 01 đã có những điều chỉnh cụ thể liên quan đến đạo Tin Lành tại phía Bắc, và khu vực miền núi nơi đồng bào theo đạo, đó là: Điểm 3: “Hướng dẫn, giúp đỡ Tổng hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) thực hiện các hoạt động tôn giáo đúng theo Hiến chương, Điều lệ của giáo hội và

tuân thủ các quy định của pháp luật”. Tiếp theo là Điểm 5: “Đối với số đồng bào ở miền núi phía Bắc mới theo đạo Tin Lành cần căn cứ vào nhu cầu tín ngưỡng để có chủ trương thích hợp theo hướng: Đối với bộ phận đồng bào đã có thời gian theo đạo Tin Lành và có nhu cầu tín ngưỡng thực sự, trước mắt hướng dẫn cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo tại gia đình, hoặc nơi nào có nhu cầu thì hướng dẫn cho đồng bào đăng ký sinh hoạt đạo ở địa điểm thích hợp tại bản, làng. Khi hội đủ các điều kiện thì tạo thuận lợi cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo bình thường theo quy định của pháp luật. Đối với bộ phận đồng bào đã theo đạo, nay có nhu cầu trở lại với tín ngưỡng truyền thống của dân tộc mình, cần tạo điều kiện, giúp đỡ để đồng bào thực hiện ý nguyện đó”¹¹.

Theo tinh thần Chỉ thị 01, Thủ tướng Chính phủ công nhận và ủy quyền cho Ban Tôn giáo Chính phủ công nhận 7 tổ chức Tin Lành đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, gồm: Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam; Tổng hội Báp tit Việt Nam (Ân điển - Nam phương); Hội thánh Báp tit Việt Nam (Nam Phương); Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam; Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam; Hội thánh Tin Lành Mennonite Việt Nam; Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam và 01 tổ chức được Ban Tôn giáo Chính phủ cấp đăng ký hoạt động là Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam.

Sau hơn 15 năm với sự thực thi đường lối, chính sách mới từ phía Nhà nước, cùng với sự vận động của giới chức Tin Lành, tình hình đạo Tin Lành tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam, đặc biệt tại các tỉnh miền núi phía Bắc, nơi diễn ra hoạt động truyền giáo chủ yếu tại miền Bắc đã dần đi vào ổn định. Tình hình cụ thể về cộng đồng Tin Lành tại miền Bắc, đặc điểm, sự phân bố, sự hiện diện của các tổ chức, hệ phái... đã dần rõ nét.

2.3.2. Hiện trạng đạo Tin Lành tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay

2.3.2.1. Thành phần các tổ chức, hệ phái Tin Lành cùng sự phân bố tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay

Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc

Từ năm 2004 đến năm 2017, HHTLVN(MB) đã chú trọng công việc sửa đổi Điều lệ trong 4 kỳ Đại hội đồng liên tiếp (Đại hội đồng 32, 33, 34 và 35). Điều này do thực tiễn phát triển của Hội thánh đòi hỏi giáo hội phải cải tổ, thay đổi quy định cho phù hợp, chấn chỉnh hệ thống tổ chức cùng các hoạt động tôn giáo, mở mang mạng lưới các chi hội, điểm nhóm đi liền với đó là chú trọng công tác đào tạo đội ngũ mục sư, truyền đạo.

Hiện nay, theo số liệu của các cơ quan chức năng, HTTLVN(MB) là tổ chức lớn mạnh nhất miền Bắc, chỉ đứng thứ hai toàn quốc sau HTTLVN(MN) với 156.807 tín đồ (trong đó có tới gần 150.000 tín đồ người dân tộc), 692 chức sắc, 884 chức việc, có tới 247 hội thánh cơ sở và 1.689 điểm nhóm, 12 nhà thờ, 41 nhà nguyện và 932 nơi sinh hoạt tôn giáo.

Các hệ phái, nhóm Tin Lành từ phía Nam ra hoạt động và gây dựng cơ sở

Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam

Hội thánh Liên hữu Cơ đốc hoạt động theo: đường hướng: “Trung thành với chân lý Kinh thánh, đồng hành cùng dân tộc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật”. Khoảng từ năm 1995 - 1996, những nhân sự đầu tiên của Hội thánh Liên hữu Cơ Đốc đã ra Hà Nội và các tỉnh miền Bắc để truyền giáo và nhanh chóng tìm đến với cộng đồng tín đồ người Mông mới theo đạo, đang còn hoang sơ về đức tin và bơ vơ về chỗ dựa tinh thần: “Địa bàn của các Hội thánh địa phương nằm rải rác ở 60 tỉnh, trong số đó có khoảng 50% là người dân tộc ít người, bao gồm người Mông, Dao, Thái... chủ yếu ở các tỉnh vùng núi phía Bắc như Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang, Cao Bằng”¹².

Theo số liệu của các cơ quan chức năng thì Hội thánh Liên Hữu Cơ Đốc Việt Nam trên toàn quốc có khoảng hơn 43.000 tín đồ, số tín đồ người dân tộc chiếm tỷ lệ cao trong số đó.

Hội thánh Truyền giảng Phúc Âm - Vietnam Good News Mission Church

Khởi đầu chỉ là một tổ chức xã hội của HTTLVN trước 1975 chuyên biệt về tiếp nhận viện trợ, trợ giúp của các tổ chức Tin Lành thế giới yểm trợ cho hoạt động truyền giáo, ngày nay Hội thánh Truyền giảng Phúc Âm đã trở thành một hệ phái Tin Lành có tiềm lực. Năm 2007, tổ chức này chính thức tuyên bố thành lập “Hội thánh” mang tính chất quốc gia, trở thành một hệ phái chuyên hoạt động truyền giáo, tuy rằng đến nay vẫn chưa được là tổ chức tôn giáo được đăng ký hoạt động chính thức. Cũng từ năm 2007, Hội thánh Truyền giảng Phúc Âm đã vươn ra hoạt động tại các tỉnh miền Bắc, đặc biệt trong vùng đồng bào Mông theo đạo. Hệ phái này đã có mặt tại Hà Giang, Cao Bằng, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai... và đã có được số lượng hơn 15.000 tín đồ người Mông tại đây, chỉ đứng sau HTTLVN(MB) và Liên hữu Cơ Đốc.

Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam

Đây là giáo phái mạnh, có quy mô toàn cầu. Giáo Hội Toàn Cầu hiện có mặt tại 205 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổ chức 4 cấp từ Địa hạt, Liên Hiệp hội, Tổng hội và Toàn cầu Tổng hội. Tổ chức giáo hội tại Việt Nam được cấp giấy quyết định công nhận tổ chức tôn giáo số 235/QĐ-TGCP do Ban Tôn giáo Chính phủ thừa ủy quyền của Thủ tướng cấp ngày 04/12/2008. Giáo hội đã tổ chức Đại hội đồng lần III nhiệm kỳ 2015 – 2020.

Giáo hội hiện có các Hội thánh và điểm nhóm tại 33 tỉnh thành của cả nước từ Điện Biên, Sơn La đến Phú Quốc, Cà Mau với 16 Hội thánh và 191 điểm nhóm. Sự hiện diện của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm ở các tỉnh miền Bắc là sự kết nối trở lại, vì trước năm 1954, họ đã từng có mặt. Tuy Cơ Đốc Phục Lâm ra miền Bắc gây dựng cơ sở của mình tương đối muộn nhưng bù lại họ đã có những bước tiến vững chắc về mặt đường hướng cùng khả năng tài chính lẫn nhân sự. Các điểm nhóm sinh hoạt của Cơ Đốc Phục Lâm ở

Sơn La, Điện Biên, Hà Nội tuy còn ít nhưng hoạt động rất quy củ. Theo số liệu của Giáo hội, tại các tỉnh miền Bắc, họ mới có được khoảng 1.000 tín đồ chính thức.

Hội thánh Phúc Âm Ngũ Tuần Việt Nam cùng các hệ phái, nhóm Ngũ Tuần khác

Giáo phái Ngũ Tuần (Pentecostal) xuất hiện vào đầu thế kỷ 20 nhấn mạnh đến giáo lý Báp tem bằng Thánh Linh, “nói tiếng lạ” để chứng tỏ rằng mình “đầy rẫy Thánh Linh”. Các tổ chức giáo hội tiêu biểu thường mang tên như: Assemblies of God (Hội chúng Ngũ tuần), The Pentecostal Holiness Church (Phúc âm Ngũ tuần), Phúc âm Toàn vẹn.

Phong trào ân tứ dùng để mô tả một phong trào như đợt sóng thứ hai của Ngũ tuần xuất hiện vào những năm 1950. Đợt sóng thứ ba vào đầu thập niên 1960. Những người theo phong trào ân tứ tuyên bố rằng, họ có khác biệt hơn với Phúc Âm Ngũ Tuần cổ điển vì không nhấn mạnh đến vấn đề nói tiếng lạ là yếu tố kinh nghiệm cho sự đầy rẫy Thánh Linh nữa mà bao gồm thực hành nhiều ân tứ khác do Chúa ban tặng. Đây có thể coi là làn sóng Tân Ngũ Tuần, ảnh hưởng lan tràn và tạo ảnh hưởng trong nhiều giáo phái trên toàn cầu, kể cả Giáo hội Công giáo.

Theo những người Ngũ tuần Việt Nam kể lại, thì vào tháng 11/1988, giáo sĩ Roland Cosnard đến Việt Nam du lịch và rao giảng Tin Lành Ngũ tuần làm rộ lên phong trào Ân tứ Đức Thánh Linh thu hút những tín đồ Ngũ tuần trước đây và tín đồ của một số tổ chức Tin Lành khác tham gia.

Năm 1989, Tin lành Ngũ tuần hoạt động trở lại với sự xuất hiện của nhiều tổ chức khác nhau, như: Hội chúng Ngũ tuần, Phúc âm Ngũ tuần, Phúc âm Toàn vẹn, Hội thánh Tin lành Đức tin, Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo, Hội thánh Tin lành Ân điển Hi vọng,... trong đó Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần lớn hơn cả.

Ngày 24/9/2009, Ban Tôn giáo Chính phủ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần

Việt Nam. Theo số liệu của các cơ quan chức năng tính đến tháng 4/2019, tín đồ của hệ phái Phúc Âm Ngũ Tuần khoảng hơn 11.000 người. Tại các tỉnh phía Bắc, hệ phái này hiện diện bằng nhiều nhóm nhỏ rải rác khắp các tỉnh trung du và đồng bằng tuy số lượng còn khiêm tốn. Riêng tại các tỉnh miền núi như Cao Bằng, Thái Nguyên, Lào Cai, hệ phái này đã có được số lượng tín đồ người dân tộc Mông gần 2.000 người.

Ngoài Hội thánh Phúc Âm Ngũ tuần Việt Nam do mục sư Dương Thành Lâm làm Tổng quản nhiệm đã được đăng ký hoạt động, còn một số hệ phái Ngũ Tuần ra đời từ phong trào này, chưa kể khoảng vài chục nhóm quy mô nhỏ, độc lập khác nhau, có thể kể đến:

Hội thánh Phúc Âm Toàn Vẹn (Full Gospel – FG) khởi đầu tách ra với Mục sư Võ Văn Lạc lãnh đạo, phát triển các điểm nhóm tại Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận. Từ đầu năm 1990, khởi sự truyền giáo tại Hà Nội, rồi xuống Nam Định và Hải Phòng. Cuối năm 1995, hệ phái này bắt đầu truyền giáo lên Phong Châu, Vĩnh Phú (nay là Lâm Thao, Phú Thọ). Tháng 2 năm 1996, Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam tạo được nhóm tại Thanh Hóa. Tháng 6 năm 1996, từ địa bàn Phong Châu, Vĩnh Phú đã truyền giáo và thành lập điểm nhóm cho người Mông tại Hà Giang, Tuyên Quang, Hà Tây, Hải Dương, Thái Bình. Từ năm 2000 –2010, Hội thánh phát triển ra các tỉnh khác như Bắc Giang, Bắc Ninh, Hòa Bình, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Hà Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Hậu Giang, Sóc Trăng, thậm chí truyền giáo sang cả Lào. Tại các tỉnh miền núi phía Bắc, hệ phái này đã có mặt để thu hút tín đồ dân tộc Mông, gây dựng tổ chức của mình tại Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên với số tín đồ sơ bộ đã lên tới gần 3.000 người.

Ngày 11/9/2018, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam đã tổ chức Lễ đón nhận Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo do Ban Tôn giáo Chính phủ cấp. Đây là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đầu tiên sau khi Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo có hiệu lực.

Theo khai trình, Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam là tổ chức Tin Lành thuộc hệ phái Ngũ tuần, được thành lập trong nước vào năm 1990. Tính đến tháng 6/2018, Hội thánh Phúc Âm Toàn vẹn Việt Nam có khoảng 7.000 người tin theo, sinh hoạt tôn giáo tại 201 điểm nhóm thuộc 38 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong cả nước.

Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam cũng là một nhánh tách ra từ phong trào Ngũ Tuần thập niên 1990, chịu ảnh hưởng từ “phong trào ân tứ” tuy lãnh đạo của hệ phái này không nhấn mạnh vào việc “nói tiếng lạ”, hay thực hành các nghi thức đặc biệt nào của Ngũ tuần. Ra đời tổ chức riêng từ năm 1997 và rất năng động trong truyền giảng, thu hút tín đồ, lãnh đạo của hệ phái khai trình: Tính đến tháng 10/2018, Hội thánh có 8.400 người tin theo, sinh hoạt tôn giáo tại 191 điểm nhóm thuộc 37 tỉnh, thành phố.

Hội thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền giáo Việt Nam được các giới chức Tin Lành đánh giá là một trong các hệ phái có khả năng và tương đối thành công tới mức hiếm hoi (giữa các tổ chức, hệ phái khác) khi hoạt động truyền giáo nơi vùng người Kinh ở đồng bằng, đô thị. Tại miền Bắc, hệ phái này cũng chỉ hiếm hoi xuất hiện tại vùng dân tộc Mông ở Lào Cai với khoảng 800 tín đồ, nhưng các nhóm tín đồ của họ lại phổ biến rất rộng tại các tỉnh trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tuy số lượng còn ít và chưa gây ấn tượng.

Ngày 14/12/2018, tại Tp. Hồ Chí Minh, Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam đã tổ chức Lễ đón nhận Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo do Ban Tôn giáo Chính phủ cấp.

Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam vào miền Nam từ năm 1968 và được cấp giấy phép hoạt động năm 1972. Sau năm 1975 ngừng hoạt động về mặt tổ chức. Năm 1989, Giáo hội Tin Lành Trưởng lão Việt Nam tại Hoa Kỳ cử Mục sư Nguyễn Xuân Bảo về Việt Nam lo công tác từ thiện và xây dựng phát triển tín đồ. Ngày 04/12/2008, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ đã ra quyết định

công nhận về mặt tổ chức cho Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam. Ngày 15/5/2014, tại Tp. Hồ Chí Minh đã diễn ra Đại hội lần thứ 2 Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam nhiệm kỳ 2014-2018. Theo khai trình trước đại hội, đến thời điểm đó Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam có khoảng 17.000 tín đồ sinh hoạt ở 22 tỉnh, thành phố.

Đây là hệ phái Tin Lành có tư cách pháp nhân từ khá sớm (2008). Về mặt truyền giáo, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam đã cử các thành viên của mình ra các tỉnh miền núi phía Bắc từ khá sớm và gây dựng được một số lượng điểm nhóm nhất định. Tại Thái Nguyên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa (Mường Lát), hệ phái này đã có tới hơn 3.000 tín đồ tin lành người dân tộc Mông.

Theo thống kê của các cơ quan chức năng, đến tháng 4/2019, hệ phái này có tổng cộng 16.783 tín đồ. Đây là con số khá ấn tượng giữa các tổ chức, hệ phái Tin Lành.

Giáo hội Báp-tít Việt Nam, Tổng hội Báp-tít Việt Nam và các nhóm Báp-tít khác

Vào miền Nam từ năm 1959 bởi tổ chức Tin Lành Báp-tít miền Nam của Mỹ (Southern Baptist Convention). Báp-tít là một giáo phái Tin Lành có lịch sử lâu đời (từ thế kỷ 17) và lớn mạnh với hơn 70 triệu tín đồ trên thế giới. Giáo phái Báp-tít theo thể chế tổ chức giáo hội hoàn toàn tự do, quyền độc lập, tự chủ tuyệt đối được trao cho các chi hội (công lý chánh thể). Thể chế giáo hội quốc gia, vùng miền chỉ mang tính liên hiệp lỏng lẻo. Các chi hội Báp-tít có liên hệ thông công với nhau nhưng mang tính độc lập riêng.

Từ thập niên 1990 trở lại đây, xuất hiện nhiều nhóm Báp-tít, ngoài tổ chức chính thống là Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân Điển Nam Phương), nổi lên tổ chức Giáo hội Báp-tít Việt Nam do Mục sư Nguyễn Thông làm Chủ tịch lúc ban đầu, địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Từ ngày 8-10/8/2008 tại Tp. Hồ Chí Minh, Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam Phương) tổ chức Đại hội đồng lần thứ nhất (lần

thứ 7 theo lịch sử giáo hội). Đại hội đã thông qua Hiến chương có 10 chương, 74 điều, thể hiện qua tôn chỉ, mục đích và đường hướng hoạt động, gắn bó với dân tộc, trung thành với Tổ quốc và chấp hành pháp luật: “Sống phúc âm, phục sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc, gắn bó Dân tộc và tuân thủ luật pháp”. Ngày 03/10/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ đã ra quyết định công nhận tổ chức tôn giáo cho Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam Phương). Đại hội đồng gần nhất, lần thứ III (lần thứ IX theo lịch sử Giáo hội) của Giáo hội Báp-tít Việt Nam (Nam Phương) – đã đổi tên chính thức, Mục sư Nguyễn Võ Khánh Giám được bầu là Chủ tịch giáo hội nhiệm kỳ 2016 -2020.

Đây là phái Báp-tít dù ra đời muộn nhưng có thực lực và khả năng truyền giáo, gây dựng tổ chức nhanh. Đặc biệt nhận thấy sự vươn ra hoạt động, lập ra các “giáo hạt” tại miền Bắc trong cả các tỉnh đồng bằng và vùng dân tộc thiểu số trong những năm qua.

Tổng Hội Báp-tít Việt Nam (tên cũ Hội thánh Báp-tít Ân điển – Nam phương)

Năm 1959, Hội Truyền giáo Báp-tít Nam Phương (Hoa Kỳ) cử giáo sĩ vào Sài Gòn truyền giáo và thành lập Hội thánh Báp-tít Ân điển vào ngày 18 tháng 11 năm 1962 tại Sài Gòn (nay là số 161 đường Nguyễn Văn Trỗi, Tp. Hồ Chí Minh). Đây là tổ chức duy nhất của Hội Truyền giáo Báp-tít Nam Phương hoạt động tôn giáo liên tục từ trước năm 1975 đến nay.

Những năm 1990 trở lại đây, các Hội thánh Báp-tít ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Cần Thơ, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Đà Nẵng,... đã tự nguyện gia nhập Hội thánh Báp-tít Ân điển, hình thành nên Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân điển - Nam Phương). Lý do là trước đây, các chi hội (hội thánh) Báp-tít hoàn toàn độc lập, sau vì lí do tư cách pháp nhân nên họ liên hiệp lại.

Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân điển - Nam phương) hoạt động theo đường hướng “Sống theo phúc âm, phục vụ Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc”. Ngày 07/5/2008, Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân

điển - Nam Phương) đã được Ban Tôn giáo Chính phủ ra quyết định công nhận tổ chức tôn giáo theo sự uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ. Đại Hội đồng lần thứ III của tổ chức này đã diễn ra vào ngày 9-10/11/2016 và tiếp tục bầu Mục sư Lê Quốc Huy – Quản nhiệm Hội thánh Báp-tít Ân Điển là Chủ tịch Tổng hội.

Theo số liệu của các cơ quan chức năng, hiện nay Tổng hội Báp-tít Việt Nam có khoảng 4.649 tín đồ. Tại miền Bắc, tổ chức này có gây dựng được vài chi hội, chủ yếu tập trung tại các thành phố, thị xã, ít có hoạt động truyền giáo lên vùng dân tộc ít người.

Ngoài 02 tổ chức Báp-tít đã có tư cách pháp nhân đó ra, còn đa dạng các nhóm, hệ phái Báp-tít nhỏ hơn, hoạt động rất năng động, tiến hành truyền giáo, thu gom tín đồ từ những người hồi hương, lao động về tại khắp các địa phương phía Bắc và vùng dân tộc thiểu số. Trong số này có thể kể đến các hệ phái, nhóm như: Liên Hữu Báp-tít có hơn 3.570 tín đồ; Báp-tít Liên hiệp có 2.073 tín đồ; Báp-tít độc lập, Báp-tít Thiên Ái, Báp-tít Đấng Christ, v.v...

Các hệ phái, nhóm Tin Lành theo chân các cộng đồng hồi hương du nhập vào các tỉnh phía Bắc

Hệ phái “Hội Thánh Lời Sự Sống Việt Nam”. Bắt đầu từ khoảng thời gian từ 1991 đến 1995, khi mà Liên Xô sụp đổ, thể chế chính trị và xã hội có nhiều thay đổi, đời sống sinh hoạt, học tập của đa phần sinh viên, nghiên cứu sinh, công nhân lao động người Việt tại đây gặp nhiều khó khăn, bế tắc. Nhiều người đổ vỡ niềm tin, mất phương hướng... cùng lúc họ gặp các nhóm, tổ chức truyền giáo Tin Lành từ Âu-Mỹ, Hàn Quốc đến truyền đạo nên đã cải đạo và đi theo tôn giáo này. Hội thánh Lời Sự Sống nằm trong trào lưu này. Năm 2002, một số cốt cán của Lời Sự Sống đã trở về Việt Nam để “gây dựng Hội thánh”. Năm 2004, địa điểm nhóm họp đầu tiên của hệ phái này tại Đông Anh, ngoại thành Hà Nội được thiết lập. Hệ phái tuyên bố khái tượng truyền giáo khắp toàn quốc và cả Đông Dương. Đây là hệ phái duy nhất có đường hướng ngược lại với các hệ phái Tin Lành Việt Nam khác, đó là: Trụ sở tại Hà Nội nhưng

lại “Nam tiến” vào truyền giáo tại đồng bằng sông Cửu Long và sang cả Campuchia. Hội thánh Lời Sự Sống (tên giao dịch tiếng Anh là World of Life Church) là một hệ phái theo phong trào Ngũ Tuần. Hệ phái tuyên bố đã có mặt tại hơn 40 tỉnh thành, số tín đồ của họ theo các cơ quan chức năng mới chỉ khoảng hơn 2000 người. Ngoài các tỉnh trung du, đồng bằng, Lời Sự Sống còn có mặt truyền giáo tại Tuyên Quang, Thái Nguyên, Nghệ An với số tín đồ ước chừng khoảng 650 người.

Hội thánh Tin Lành Việt Nam Truyền giáo. Cũng là một vài cá nhân theo đạo từ Đông Âu, Liên Xô trở về gây dựng tổ chức. Đây là nhóm Tin Lành theo xu hướng Ngũ Tuần tập hợp nhiều tín đồ mới tin nhận đạo, có xu hướng tự do trong hành đạo và biểu hiện đức tin. Theo số liệu của cơ quan chức năng, Hội thánh Tin Lành Việt Nam Truyền giáo hiện có khoảng hơn 2000 tín đồ, chủ yếu các tỉnh quanh Hà Nội, tại Nghệ An và vùng đồng bào dân tộc thiểu số có vài nhóm nhỏ.

Ngoài 02 hệ phái có số lượng tín đồ tương đối kể trên, theo chân các cá nhân, nhóm hồi hương từ lao động Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia, Hồng Kông trở về đã tin nhận đạo cũng khá phổ biến xong chỉ là những cá nhân, nhóm tín đồ nhỏ, lẻ, chưa có tổ chức là các hệ phái, giáo phái.

Các cộng đồng Tin Lành của người nước ngoài

Theo nhịp độ mở cửa, giao lưu, phát triển kinh tế, cộng đồng người nước ngoài đến miền Bắc và Hà Nội sinh sống, làm việc, kinh doanh ngày càng đông, trong số đó có tín đồ Tin Lành. Qua các cơ quan chức năng của Hà Nội thì hiện nay tại Hà Nội có 14 nhóm tín hữu người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung trên địa bàn thành phố, trong đó cộng đồng người nước ngoài theo đạo Tin Lành khoảng 4.000 người, sinh hoạt theo 09 nhóm độc lập, đó là:

Cộng đồng những người Hàn Quốc theo đạo Tin Lành

Trên địa bàn Thành phố có khoảng 3000 người Hàn Quốc sinh hoạt đạo Tin Lành tại 7 nhóm, trong đó có 04 điểm nhóm đăng ký

sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo. Hiện chưa rõ xu hướng thần học, hệ phái tuy qua danh xưng có thể biết một vài nhóm trong số đó là theo thần học Ngũ Tuần.

Hội thánh Tin Lành quốc tế Hà Nội (Hanoi International Fellowship - HIF)

Ngoài cộng đồng tín đồ Tin Lành người Hàn Quốc, cộng đồng những người nước ngoài theo đạo Tin Lành có khoảng 1.000 người nước ngoài thuộc gần 50 quốc tịch khác nhau đang làm việc tại các tổ chức quốc tế tại Hà Nội, họ tự đặt tên là Hội thánh Tin lành quốc tế Hà Nội (Hanoi International Fellowship - HIF). Tổ chức được thành lập năm 1995. Hiện sinh hoạt tại 02 địa điểm.

Liên hữu Tin lành quốc tế như thường lệ đặt mục tiêu không chỉ là cộng đồng của những tín đồ ngoại quốc xa nhà nhóm họp để quan tâm và phục vụ lẫn nhau mà còn thực hiện sứ mệnh “trở thành ánh sáng” đối với người dân Hà Nội và xa hơn là đối với mọi người dân Việt Nam.

Các hệ phái, nhóm Tin Lành mới du nhập có hoạt động gây xáo trộn và bất ổn xã hội, văn hóa như Hội thánh Đức Chúa Trời Mẹ, một số nhóm phái thực hành nghi thức bí hiểm, tổ chức khép kín có xu hướng cực đoan

Hội thánh Đức Chúa Trời Mẹ: Năm 2018, tổ chức Hội thánh Đức Chúa Trời (Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ) hoạt động truyền đạo trái pháp luật tại nhiều địa phương, gây bất ổn trong gia đình và cộng đồng xã hội. Hoạt động cực đoan của tín đồ theo đạo này, như: đập phá bàn thờ tổ tiên, phỉ báng tín ngưỡng, tôn giáo khác, bất hiếu kính với cha mẹ, xa lánh người thân, gia đình, bỏ học, bỏ làm... bị báo chí, dư luận xã hội nêu ra và lên án gay gắt. Hiện tại, tổ chức tôn giáo này không còn được phép hoạt động tôn giáo tại các địa phương nhưng các thành viên vẫn còn sinh hoạt tại gia.

Giáo phái Sự cứu rỗi: Xuất xứ từ Hàn Quốc, giáo phái này còn có tên là “Ân điển cứu rỗi” hay “Sự cứu rỗi đời đời”. Theo thông

tin từ lãnh đạo một số hệ phái Tin Lành hoạt động hợp pháp thì nhân sự của giáo phái này đang giành giật tín đồ, gây dựng tổ chức trong cộng đồng Tin Lành từ Bắc đến Nam. Giáo thuyết của phái này tập trung (và có sự khác biệt với các phái chính thống) vào 3 phần: Sự cứu rỗi, Hội thánh và Ngày tận thế. Giáo phái này đang âm thầm phát triển trong giữa các hệ phái Tin Lành từ Bắc đến Nam, vào cộng đồng Tin Lành người Mông tại Lào Cai, Thanh Hóa, Điện Biên, và đang là mối nguy phá vỡ tổ chức, gây chia rẽ ly khai từ nội bộ cộng đồng Tin Lành.

Ngoài ra, còn một vài nhóm phái mới xuất hiện trong vùng đồng bào Mông theo đạo Tin Lành, như: Hội thánh Giê Sù; Đạo Bà Cô Dợ; San sư khẻ tọ (chữ thập vải đỏ), v.v... vốn được các giới chức Tin Lành chính thống coi là tuyên truyền các tư tưởng thần học sai lạc với Kinh Thánh, gây chia rẽ Hội thánh tại nhiều nơi.

Cộng đồng hơn 200.000 người Mông theo đạo tại các tỉnh miền núi phía Bắc đang là nơi phức tạp về hoạt động nhóm, phái do bà con tín đồ theo đạo chưa lâu, thiếu chức sắc, kinh sách và hiểu biết giáo lý, giáo luật còn đơn sơ, dễ bị lôi kéo, kích động. Trong khi đó nhiều nhóm, phái Tin Lành, cả ở trong cộng đồng người Mông di cư ở nước ngoài đã đang và sẽ tiến hành truyền giáo gây dựng ảnh hưởng vào cộng đồng này. Bởi vậy, đây chỉ là những biểu hiện ban đầu của tình hình.

2.3.2.2. Đặc điểm cộng đồng Tin Lành và vị trí của các tổ chức, hệ phái Tin Lành tại các tỉnh phía Bắc

Đặc điểm cộng đồng

Chủ trương chính sách mới về vấn đề Tin Lành đã đi vào đời sống được 15 năm (tính từ khi có Chỉ thị 01 năm 2005), giải quyết được nhiều khúc mắc và dần đưa hoạt động của đạo Tin Lành vào tình trạng bình thường. Gần đây nhất, sau khi Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo đi vào cuộc sống, đường hướng thể chế hóa việc bảo đảm quyền tự do sống đạo, thực hành đức tin của các tôn giáo nói chung và cộng đồng Tin Lành nói riêng càng được khẳng định.

Cho đến nay, gần như các tổ chức giáo hội, giáo phái Tin Lành lớn đã được công nhận tư cách pháp nhân. Các hệ phái, nhóm nhỏ từng bước đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung nơi cấp chính quyền cơ sở. Như vậy, những chủ trương, chính sách này bước đầu đã góp phần tạo hành lang pháp lý ổn định, nhất quán để bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân.

Theo số liệu của cơ quan quản lý: “Sau 2 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo, đến tháng 4/2019, cả nước có hơn 1,12 triệu người theo đạo Tin Lành, trong đó có trên 855.000 người của hơn 40 dân tộc thiểu số, đông nhất là các dân tộc Mông (270.000 người), Ê-đê (124.000 người), Gia-rai (99.000 người), K’ho (67.000 người), S’Tiêng (60.000 người). Có 9 tổ chức Tin Lành có pháp nhân và 1 Ban Đại diện, 2 tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo (gồm khoảng 70 tổ chức, nhóm Tin lành khác được cấp xã cấp đăng ký); 2.253 chức sắc, 6.851 chức việc, 757 tổ chức tôn giáo trực thuộc, 576 nhà thờ, 5.456 điểm nhóm. Ngoài ra còn có khoảng 8.500 người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tại 49 điểm nhóm.... ở 13 tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc (gồm Thanh Hóa và Nghệ An), từ chỗ đạo Tin Lành phát triển “lén lút”, “bí mật, “ trá hình” một cách bất thường trong đồng bào Mông, Dao, đến nay đã được chấp thuận và đưa vào quản lý theo pháp luật thông qua việc cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho 797 điểm nhóm trong tổng số 1.631 điểm nhóm, chiếm 48,8%. Số điểm nóng và các vụ khiếu kiện đối với đạo Tin Lành giảm nhiều so với trước, hiện tượng mất đoàn kết trong thôn, bản giữa người theo đạo và không theo đạo cơ bản được giải quyết. Hiện tượng di dân tự do trong đồng bào Mông đã giảm. Các điểm nhóm có thái độ cởi mở, hợp tác với chính quyền địa phương”¹³.

Theo các số liệu mới cập nhật, các tỉnh phía Bắc nếu tính từ Nghệ An trở ra hiện nay có khoảng 254.469 tín đồ Tin Lành, trong đó 233.855 người là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), 559 chức sắc, 772 chức việc, 28 tổ chức tôn giáo trực thuộc, 15 nhà thờ, 01 cơ sở đào tạo chức sắc, 2.049 điểm nhóm (918 điểm nhóm đã được

cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung). Riêng khu vực miền núi phía Bắc có khoảng hơn 235.635 người trong đó 233.619 người là đồng bào DTTS (97% là người Mông, tiếp đến là người Dao), 389 chức sắc, 525 chức việc, 09 chi hội, 02 nhà thờ; 1.631 điểm nhóm (797 điểm nhóm đã được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung), lần lượt chiếm tỷ trọng 21,01% về tín đồ, 17,3% về chức sắc, 7,7% về chức việc, 0,3% về cơ sở thờ tự của đạo Tin Lành cả nước¹⁴.

Nếu so với năm 2015 theo số liệu tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 01, đạo Tin Lành trong đồng bào DTTS có 199.675 tín đồ, trong đó 181.717 người, 545 chức sắc, 600 chức việc, 16 tổ chức tôn giáo trực thuộc, 14 nhà thờ, 01 cơ sở đào tạo chức sắc, 1.704 điểm nhóm (584 điểm nhóm đã được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung) thì đến nay (2020) số lượng người theo đạo Tin Lành từ Nghệ An trở ra tăng 54.933 tín đồ; số chức sắc tăng hơn 15 người; số lượng điểm nhóm tăng khoảng 345 điểm¹⁵.

Theo thống kê của các cơ quan chức năng: Vào thời điểm tháng 4/2019, số lượng tín đồ Tin Lành trong cả nước là 1.12 triệu người (làm tròn số, thực ra chính xác là 1.115.571 người). Tính theo tỷ lệ dân số nước ta vào thời điểm 1/4/2019 là 96.208.984 người thì tín đồ đạo Tin Lành chiếm 1,16% dân số.

Tính từ Nghệ An, Thanh Hóa trở ra, thống kê dân số vào năm 2019 có 43.583.797 người, trong đó có 253.797 tín đồ Tin Lành, chiếm 0,58% dân số ở khu vực này và chiếm 22,75% tổng số tín đồ Tin Lành toàn quốc. Điều đó cho thấy ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam mức độ theo đạo Tin Lành thấp hơn so với cả nước nói chung.

Theo các cơ quan chức năng, trong số 1,12 triệu tín đồ Tin Lành thống kê năm 2019 có tới 850.000 là người dân tộc thiểu số, chiếm 76,2% dân số tín đồ. Tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam, trong số 253.797 tín đồ có tới 233.855 người là người dân tộc thiểu số, chiếm tới 92% số tín đồ. Như vậy, tín đồ Tin Lành người dân tộc thiểu số ở các tỉnh phía Bắc chiếm tỷ lệ cao hơn trung bình cả nước. Trong số 233.855 tín đồ Tin Lành người dân tộc chỉ có

khoảng 5.000 tín đồ người Dao cùng với khoảng vài trăm tín đồ các dân tộc khác, còn lại 228.000 tín đồ là người Mông, chiếm tới 97,4% số tín đồ Tin Lành người dân tộc. Số liệu này nói lên nhiều điều: Việc truyền đạo Tin Lành hầu như chỉ được người Mông hưởng ứng và tỏ ra phù hợp với tâm lý, văn hóa, lối sống của họ nên đi theo đạo. Các dân tộc khác, đặc biệt người Thái, người Mường... văn hóa, tín ngưỡng cổ truyền còn bền vững, nên không mấy hưởng ứng với việc truyền đạo Tin Lành.

Cũng theo số liệu của các cơ quan chức năng, đến tháng 4 năm 2019, số người Mông theo đạo đã lên tới con số 270.000 người (bao gồm cả cộng đồng Mông di cư vào Tây Nguyên theo đạo), chiếm vị trí số 1 về số lượng tín đồ đối với các dân tộc khác. So với dân số dân tộc Mông ở Việt Nam vào thời điểm đó là 1.393.547 người thì số tín đồ Tin Lành chiếm 19,4% dân số tộc người này.

Trong khoảng thời gian 4 năm (từ 2015 đến 2019), theo số liệu của các cơ quan chức năng, số tín đồ Tin Lành từ Nghệ An trở ra đã tăng thêm 54.533 người, đa phần là tăng trưởng nơi vùng đồng bào Mông theo đạo. Điều đó cho thấy quá trình theo đạo, cải đạo của người Mông vẫn đang tiếp diễn và diễn ra với tốc độ khá nhanh¹⁶.

Trái ngược với các tỉnh miền núi phía Bắc và nơi người Mông theo đạo, tại vùng đồng bằng, tỷ lệ tín đồ và phát triển tín đồ rất thấp, cụ thể như sau: Số liệu tín đồ Tin Lành vùng đồng bằng, đô thị phía Bắc vào thời điểm 2019 chỉ là 18.973 người, trừ đi 4.000 tín đồ Hàn Quốc và quốc tế và 236 tín đồ người dân tộc trong các tỉnh thì chỉ còn 14.700 tín đồ người Kinh, chiếm 5,8% tổng số tín đồ Tin Lành trong khu vực và chỉ chiếm 0,034% dân số của khu vực. Điều này nói lên việc Tin Lành không được hưởng ứng cao trong môi trường văn hóa tâm linh truyền thống của người Kinh ở đồng bằng.

Phân bố và vị trí của các tổ chức, hệ phái Tin Lành

Như vậy, theo số liệu thống kê của các cơ quan chức năng vào năm 2019, tại các tỉnh miền núi phía Bắc, tỉnh có số tín đồ Tin

Lành đông nhất với đa phần là người Mông theo đạo, xếp theo thứ tự từ cao đến thấp là: Điện Biên xếp vị trí thứ nhất với 63.100 người; Tiếp đến là Lai Châu với 46.892 người; Lào Cai có 31.644; Hà Giang 21.693; Cao Bằng 16.895; Sơn La 16.495; Bắc Kạn 14.952; Tuyên Quang 8.509; Thái Nguyên 5.831; Thanh Hóa 4.960; cuối cùng là Nghệ An có 327 tín đồ¹⁷.

Tại vùng đồng bằng, đô thị: Thủ đô Hà Nội chiếm vị trí thứ nhất với khoảng 10.000 tín đồ; Hải Phòng 2.640; Hải Dương 2.268; Quảng Ninh 1.082; Nam Định 981; cuối cùng là Ninh Bình có 33 tín đồ¹⁸.

Về vị thế của các tổ chức, hệ phái: Theo số liệu của cơ quan chức năng, HTTLVN(MB) có tổng cộng 156.807 tín đồ, trong số đó chỉ có khoảng 7.000 tín đồ người Kinh. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của chúng tôi thì chỉ riêng tại 13 tỉnh thành miền núi, HTTLVN(MB) đã có tới 147.450 tín đồ vì vậy tổ chức này chiếm vị thế số một của Tin Lành phía Bắc. Xếp thứ hai là Hội thánh Liên hữu Cơ đốc với số tín đồ chỉ riêng vùng các tỉnh miền núi phía Bắc đã lên tới ít nhất là 32.000 người. Xếp thứ ba là Hội thánh Truyền giảng Phúc Âm với khoảng 15.000 tín đồ. Liên đoàn Truyền giáo Việt Nam và Hội thánh Trưởng lão Việt nam, Hội thánh Phúc Âm Toàn vẹn, Hội thánh Liên hữu Báp tít là những tổ chức chiếm vị trí tiếp theo.

Tuy nhiên, đó là xếp theo số tín đồ và đa phần là tại vùng tín đồ dân tộc. Tại vùng đồng bằng, đô thị, những hệ phái xếp cao trên vùng cao lại có khi không có vai trò vị trí đáng kể gì đối với việc truyền giáo cho người Kinh. Tại đây, vị trí số 1 vẫn là HTTLVN(MB), tiếp theo phải kể đến Hội thánh Liên hiệp Truyền giáo xét về số lượng tín đồ và phương cách truyền giáo.

Kết luận

Đạo Tin Lành vào Việt Nam đã hơn 100 năm. Ngay từ đầu, Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh tại miền Bắc đã là nơi các giáo sĩ chọn làm điểm truyền giáo. Tuy nhiên, kết quả truyền giáo tại miền Bắc

của đạo Tin Lành không mấy ấn tượng, cho đến những năm 1990, cộng đồng Tin Lành tại đây còn nhỏ bé và không có vai trò gì nổi bật trong đời sống văn hóa - xã hội. Tình hình bắt đầu thay đổi từ đầu thập niên 1990 với cộng đồng tín đồ người Mông mới theo đạo phát triển nhanh, đi liền theo đó là các hệ phái, nhóm Tin Lành từ phía Nam ra hoạt động, gặt hái kết quả truyền giáo, mở mang lực lượng. Thành phần tổ chức giáo phái tại đây dần thay đổi theo chiều hướng đa dạng, phức tạp hơn. HTTLVN(MB) vốn dĩ giữ vị trí độc tôn, tuy thực lực hạn chế đã gặp thời cơ thuận lợi, tiếp nhận khối tín đồ người Mông, trở thành giáo hội có lực lượng tín đồ đông đảo nhất. Tiếp đến là các hệ phái, nhóm Tin Lành từ phía Nam ra hoạt động, đa phần có xu hướng thần học Ngũ Tuần, Báp-tít nổi lên từ phong trào “Hội thánh Tư gia”. Sau nữa là những nhóm Tin Lành theo các cộng đồng người Việt hồi hương trở về. Thời gian gần đây, theo nhịp độ mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế cộng đồng tín đồ Tin Lành người nước ngoài cũng hiện diện ngày càng đông đảo, đặc biệt là từ Hàn Quốc, quốc gia có đạo Tin Lành khá phát triển.

Sự khác biệt, tương phản rõ rệt giữa vùng đông tín đồ theo đạo người Mông ở các tỉnh miền núi và vùng đồng bằng, đô thị với số tín đồ ít ỏi là đặc điểm rõ nét về đạo Tin Lành tại các tỉnh phía Bắc hiện nay. Gắn liền với hai vùng đó là hoạt động của một số hệ phái Tin Lành tương đối lớn, có thực lực đan xen với các nhóm, phái Tin Lành nhỏ lẻ hoạt động độc lập, lúc hợp lúc tan. Sự xuất hiện của một số nhóm, phái có hoạt động cực đoan, tuyên truyền giáo thuyết lệch chuẩn đạo đức tôn giáo và xã hội... đã và đang đặt ra nhiều vấn đề đối với công tác quản lý tôn giáo và xã hội.

Đó là bức tranh đa dạng về cộng đồng Tin Lành tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 C.M.A. là từ viết tắt các từ *The Christian and Missionary Alliance*, thường được giới chức Tin Lành Việt Nam dịch là Hội Truyền giáo Phúc âm Liên hiệp hay gọi tắt là Hội Truyền giáo, Hội Liên Hiệp. N.X.H.
- 2 Số liệu dẫn theo: Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam 1911 - 1965*, Trung tâm Nghiên cứu Phúc Âm, Sài Gòn, tr. 86.
- 3 Nguyễn Xuân Hùng (2017), *Quá trình truyền giáo của đạo Tin Lành tại Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1975*. Luận án Tiến sĩ Sử học, Hà Nội, tr. 66.
- 4 Nguyễn Xuân Hùng (2017), *Quá trình truyền giáo của đạo Tin Lành tại Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1975*. Tlđđ, tr. 66.
- 5 Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc (1963), *Điều lệ của Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc*, Hà Nội, tr. 3.
- 6 Số liệu dẫn theo Báo cáo tổng quan đề tài cấp Bộ của Nguyễn Xuân Hùng & Ngô Quốc Đông (2015), *Tin Lành ở Việt Nam: Thực trạng, một số vấn đề đặt ra và giải pháp*, Hà Nội, Tư liệu Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 7 Hội thánh Tin Lành Hà Nội (2016), *Chúa Giê-xu Đấng Chiến thắng. Lược sử hình thành, phát triển Hội thánh Tin Lành Hà Nội (giai đoạn 1916 – 2016) & Khái tượng cho tương lai*. Kỷ yếu lưu hành nội bộ của chi hội Hà Nội nhân kỷ niệm 100 năm thành lập, Hà Nội, tr. 40.
- 8 Thiều Thị Hương (2014), *Quá trình ra đời và phát triển của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) – Những vấn đề đặt ra cho công tác đối với đạo Tin Lành hiện nay*, Luận văn Cao học, Hà Nội, tr. 42.
- 9 Lê Văn Thiện (2001), *Phương hướng phát triển hội thánh*. Lưu hành nội bộ, tr. 25.
- 10 Xem: Nguyễn Xuân Hùng (1992), *Giáo phái Ngũ Tuần “nói tiếng lạ”*. In trong tập kỷ yếu “Tôn giáo, tín ngưỡng Hà Nội”, Hà Nội, Tư liệu Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 11 Chỉ thị 01/2005/CT-TTg ngày 04/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành.
- 12 Mục sư Đỗ Mạnh Cường, *Lịch sử hình thành và phát triển Hội thánh*, trong kỷ yếu: *Sự phát triển của cộng đồng Tin Lành tại Hà Nội, suy ngẫm về quá khứ, hiện tại và tầm nhìn về tương lai nhân kỷ niệm 100 năm Hội thánh Tin Lành Hà Nội*, lưu hành nội bộ trong cộng đồng Tin Lành, tr. 46.
- 13 Nguyễn Ngọc Bảo, *Bảo đảm quyền tự do tôn giáo: Bước chuyển tích cực*, trên website của Ban Tôn giáo Chính phủ ngày 7/12/2019.
- 14 Số liệu tổng hợp của Vụ Tin Lành Ban Tôn giáo Chính phủ, *Thực trạng đạo Tin lành tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay – những vấn đề đặt ra cho công tác quản lý*, Báo cáo chuyên đề, tháng 9/2020.
- 15 Số liệu theo báo cáo chuyên đề: *Thực trạng đạo Tin lành tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay – những vấn đề đặt ra cho công tác quản lý*, Tlđđ.
- 16 Số liệu sử dụng từ nguồn điều tra dân số năm 2019 và số liệu tổng hợp của Vụ Tin Lành, Ban Tôn giáo Chính phủ.

- 17 Số liệu tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh, thành.
 18 Số liệu tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh, thành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2018), *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo & Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Chỉ thị 01 của Thủ Tướng Chính phủ về công tác đối với đạo Tin Lành ngày 04/02/2005 (Chỉ thị 01/2005/CT-TTg).
3. Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc (1963), *Điều lệ của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc)*, Hà Nội.
4. Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc (2017), *Báo cáo tổng kết công việc nhiệm kỳ 2014 – 2017*.
5. Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc (2016), *Chúa Giê-xu Đấng Chiến thắng: Lược sử hình thành, phát triển Hội thánh Tin Lành Hà Nội (Giai đoạn 1916 – 2016) & Khái tượng cho tương lai, kỷ yếu, lưu hành nội bộ*.
6. Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc (2016), *1916 – 2016: Sự phát triển của cộng đồng Tin Lành Hà Nội, suy ngẫm về quá khứ, hiện tại và tầm nhìn về tương lai, kỷ yếu, lưu hành nội bộ*.
7. Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc & Trường Thánh Kinh Thần học Hà Nội (2019), *Đạo Tin Lành những dấu ấn lịch sử và hiện tại (Tọa đàm kỷ niệm 500 năm cải cách Tin Lành)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc (2017), *Hiến chương 2013. Tu chính 2017*, Hà Nội.
9. Nguyễn Xuân Hùng & Ngô Quốc Đông (2015), *Tin Lành ở Việt Nam: Thực trạng, một số vấn đề đặt ra và giải pháp*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
10. Nguyễn Xuân Hùng (1993), *Giáo phái Ngũ Tuần “nói tiếng lạ”*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
11. Nguyễn Xuân Hùng (2017), *Quá trình truyền giáo của đạo Tin Lành tại Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1975*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Thiều Thị Hương (2014), *Quá trình ra đời và phát triển của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) – Những vấn đề đặt ra cho công tác đối với đạo Tin Lành hiện nay*, Luận văn Cao học.
13. *Niên giám Mục sư Quản nhiệm và Hội thánh Việt Nam 2015-2016*, lưu hành nội bộ, Westminster, CA, USA.
14. Tổng cục Thống kê, *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*.
15. Lê Văn Thiện (2001), *Phương hướng phát triển hội thánh*, lưu hành nội bộ.
16. Thái Phước Trường (2011), *Hội thánh Tin Lành Việt Nam 100 năm hình thành và phát triển*, Ban Trị sự Tổng Liên hội HTTLVN (miền Nam) biên tập và xuất bản, lưu hành nội bộ.

17. Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội thánh Tin Lành Việt Nam 1911-1965*, Trung Tâm nghiên cứu Phúc Âm, Sài Gòn.
18. Vũ Tin Lành, Ban Tôn giáo Chính phủ, *Thực trạng đạo Tin lành tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay - những vấn đề đặt ra cho công tác quản lý*, Báo cáo chuyên đề, tháng 9/2020.

Abstract

PROTESTANTISM IN THE NORTH VIETNAM ESTABLISHMENT AND DEVELOPMENT CHARACTERISTICS

Nguyen Xuan Hung

Institute for Religious Studies,

Vietnam Academy of Social Sciences

Protestantism has a history of introduction, existence, and development in Vietnam for more than 100 years. In the beginning, Hanoi and Hai Phong were chosen by Protestant missionaries as important areas for their evangelization to the Northern region. As a result of many reasons, until the 90s of the 20th century, the Protestant community in the North did not expand. Recently, Protestantism has developed rapidly in ethnic minority areas of the northern mountainous provinces as well as in the plains and urban areas. Research on the history of the introduction, existence, and development of this religion in the North of Vietnam, which is the cultural cradle of the Vietnamese, the northern ethnic minority region with the diversity of religions and beliefs, are very interesting scientific topics. The article indicates the history of the evangelical mission of Protestantism in the northern provinces from the beginning to the present. It focuses on the analysis of missionary results, the presence of Protestant organizations, denominations during the period since 1990.

Keywords: Characteristics; Protestantism; Northern Vietnam; Missionary; denominations.